

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02/01/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị L với anh H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: Bà Trần Lệ Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lã Thị L, sinh năm 1985. (có mặt);

Nơi thường trú: Thôn C, xã V, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

Nơi ở: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1980. (có đơn xin vắng mặt vắng mặt);

Nơi thường trú: Thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lã Thị L trình bày:

Chị và anh Dương Văn H kết hôn ngày 02/12/2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, chị và anh H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu tại gia đình anh H ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu và đánh đuổi chị, khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải

nhưng không thành, mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào tháng 4 năm 2021, sau đó chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh H.

Về con chung: vợ chồng chị có 03 con chung là Dương Văn H1, sinh ngày 10/7/2004; Dương Thị L1, sinh ngày 29/10/2007; Dương Xuân T, sinh ngày 30/01/2018. Hiện con H1 đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống, còn con L1 đang ở với anh H, con T đang ở với chị. Ly hôn, chị nhận nuôi 02 con chung là T, L1, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con H1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L có mặt và giữ nguyên yêu cầu trên.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2024 và những lời khai tiếp theo, anh Dương Văn H trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị L về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có uống rượu, bia nên chị L có phản nản, do đó vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Tháng 4/2021 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, khi vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn thì gia đình có hòa giải nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: vợ chồng anh có 03 con chung như chị L trình bày là đúng. Ly hôn, anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con L1, T. Đối với con H1 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H có đơn xin vắng mặt.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn

có ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử:

Cho chị Lã Thị L được ly hôn với anh Dương Văn H.

Về con chung: Giao cho chị L nuôi 02 con chung, về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị L xin ly hôn với anh H và tranh chấp về nuôi con, anh H có nơi cư trú tại thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Dương Văn H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lã Thị L kết hôn cùng anh Dương Văn H ngày 02/12/2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, đến tháng 4/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H có uống rượu và có xảy ra đánh cãi chửi nhau, khi xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh H. Anh H cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân, nay anh nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy chị L và anh H đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh H đều thể hiện vợ chồng chị L, anh H có xảy ra mâu thuẫn và có thời gian ly thân. Như vậy, có thể thấy vợ chồng chị L, anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị L xin ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình để cho chị L được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có 03 con chung là Dương Văn H1, sinh ngày 10/7/2004; Dương Thị L1, sinh ngày 29/10/2007; Dương Xuân T, sinh ngày 30/01/2018. Hiện con H1 đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống nên chị L, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị L nhận nuôi con L1, T. Anh H cũng đồng ý để chị L nuôi con L1, T. Chị L xác định chị

đang làm công nhân có thu nhập trung bình hàng tháng là 10.000.000 đồng, thời gian làm việc ổn định, nếu được nuôi 02 con thì chị về ở trên nhà đất mà bố mẹ cho, nên có đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, việc thỏa thuận về việc nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án cháu L1 đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần giao cho chị L nuôi hai con là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị L, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lã Thị L được ly hôn với anh Dương Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lã Thị L trực tiếp nuôi 02 con Dương Thị L1, sinh ngày 29/10/2007; Dương Xuân T, sinh ngày 30/01/2018.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lã Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0007084 ngày 11/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thián dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Tư Duy